

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ T
TỈNH L
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HSST

Ngày 31-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Huỳnh Điệp

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Công, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Thạch Qh Thây, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2022/HSST ngày 22/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST – HS ngày 29/12/2022 đối với bị cáo:

N V Q; sinh năm: 1981 tại L; nơi cư trú: Số 127/1 ấp Bình Trị 1, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thành (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lập (đã chết); vợ Nguyễn Thị Hồng Tiêm, có hai con chung lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ 07/6/2022 đến 10/06/2022 tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà N T H N, sinh năm 1968; cư trú: Số 69 Phạm Văn Điền, ấp Hòa Bình, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố T, tỉnh L; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án: Ông N V Đ, sinh năm 1963; cư trú: Số 402/B4 Bình Trị 2, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh L; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Trần Lê Danh, ông Lê Phước Quận, ông Lê Văn Thành, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền trả nợ, bị cáo N V Q nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác. Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/6/2022, bị cáo Q điều khiển xe mô tô xe 62K1- 329.04 đi theo đường Châu Thị Kim hướng về xã An Vĩnh Ngãi để tìm người dân để tài sản sơ hở nhằm thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi đến trước chợ An Vĩnh Ngãi, đường Châu Thị Kim, ấp Vĩnh Hòa, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố T, tỉnh L, bị cáo Q nhìn thấy bà N T H N đang bán vé số, cá, thịt. Bị cáo Q thấy ở túi áo khoác bên trái của bà N có 01 (một) túi nilông màu đỏ bên trong có tiền nên bị cáo Q nảy sinh ý định cướp giật túi tiền của bà N. Bị cáo Q điều khiển xe mô tô đi qua nơi bà N bán khoảng 200 mét rồi quay đầu xe đi ngược về hướng Phường 7, thành phố T, tỉnh L được một đoạn khoảng 01 km. Bị cáo Q vào một tiệm tạp hóa bên đường mua 01 (một) cuộn băng keo đen để dán vào biển số xe để chuẩn bị khi thực hiện hành vi không bị phát hiện truy nguyên biển số xe. Sau đó điều khiển xe đi theo đường Châu Thị Kim quay ngược lại về hướng tỉnh Tiền Giang (qua chợ An Vĩnh Ngãi một đoạn), bị cáo Q dùng băng keo đen dán đè lên biển số xe 62K1- 329.04 rồi điều khiển đến trước quầy vé số của bà N. Bị cáo Q dừng xe lại trước quầy, ngồi trên xe hỏi mua 02 (hai) tờ vé số của bị hại N rồi trả tiền, lợi dụng lúc bà N sơ hở, bị cáo Q vẫn ngồi trên xe mô tô, bất ngờ chồm người về phía bà N, dùng tay trái giật lấy túi nilông màu đỏ bên trong có số tiền 6.035.500đ (sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng Phường 7, thành phố T, tỉnh L. Bà N truy hô thì được người dân và lực lượng Công an tiến hành truy đuổi đến trước số nhà 483 đường Nguyễn Văn Tịch, ấp Vĩnh Bình, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố T, tỉnh L thì bị bắt quả tang cùng tang vật, phương tiện gây án.

*Việc thu giữ đồ vật và xử lý vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-bạc, biển kiểm soát 62K1-329.04;

+ 01 (một) túi nilon màu đỏ bên trong có số tiền 6.035.500đ (Sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng);

+ 01 (một) cuộn băng keo màu đen;

+ 01 (một) áo khoác Jeans màu xanh; 01 (một) quần dài màu trắng xám;

+ 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng;

Tại cáo trạng số 04/CT-VKSTA-HS ngày 20/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L đã truy tố bị cáo N V Q về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Q điểm truy tố, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo N V Q phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; **điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N V Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù**. Bị cáo N V Q phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ Q điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ Q tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ Q tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ tang vật; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Lời khai của bị cáo, bị hại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác thể hiện:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/6/2022, tại chợ An Vĩnh Ngãi trên đường Châu Thị Kim thuộc ấp Vĩnh Hòa, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố T, tỉnh L, bị cáo N V Q đã điều khiển xe mô tô mang biển số 62K1-329.04 để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại N T H N. Tài sản trên có tổng giá trị là 6.035.500đ (Sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Căn cứ vào quy định về tội “Cướp giật tài sản” tại Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

“Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...”

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N V Q phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 04/CT-VKSTA-HS ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L đã truy tố đối với bị cáo N V Q về tội danh là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo N V Q sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là tình tiết “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” vì có thể gây nguy hiểm cho bị hại hoặc người khác, nên bị cáo bị xét xử ở điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt bằng

được tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù mới tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều nhận tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cũng đã vận động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo có nhân thân tốt, là quân nhân xuất ngũ và có bằng khen của Bộ đội Biên phòng tỉnh L, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cũng đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là phương tiện phạm tội:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-bạc, biển kiểm soát 62K1-329.04. Qua quá trình điều tra, xe mô tô là của bị cáo Q mua vào đầu năm 2019 của một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ chưa làm thủ tục sang tên. Chủ xe là ông Nguyễn Văn Đây xác định năm 2019 ông đã bán xe mô tô trên cho một người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ khi bán không làm thủ tục sang tên;

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng:

01 (một) cuộn băng keo màu đen;

- Giao trả cho các bị cáo các tài sản không liên Q đến vụ án:

+ 01 (một) áo khoác Jeans màu xanh;

+ 01 (một) quần dài màu trắng xám;

+ 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng;

[8] Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Nội dung khác: Không có.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: N V Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt N V Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/06/2022.

3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tiếp tục tạm giam bị cáo N V Q 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-bạc, biển kiểm soát 62K1-329.04.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cuộn băng keo màu đen;

- Giao trả cho các bị cáo N V Q các tài sản:

+ 01 (một) áo khoác Jeans màu xanh;

+ 01 (một) quần dài màu trắng xám;

+ 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS-HS ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L.)

5. Áp dụng vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TpTA;
- Công an TpTA;
- Bị cáo;
- THA, AV, Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Thảo

